TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-PT
Ngày: 15-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nồm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Trần Tấn C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2019/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Tấn C (Đen)**; sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: xxx/xx khu phố B, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Võ Thị S; có vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm 1990 và 02 người con, lớn 10 tuổi, nhỏ 08 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 138/2003/HSST ngày 12/8/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 03 năm tù về "Tội cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 02/9/2005; tại Bản án số 55/2006/HSST ngày 14/3/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) đã xử phạt 09 tháng tù về "Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2007; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 09/6/2018, Trần Tấn C đi dự đám sinh nhật của người bạn tên Đ (không rõ lai lịch) ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Khi ra về, C được Đ cho ma túy nên lấy cất vào trong bóp da đem về sử dụng. Khi về đến phòng trọ tại nhà không số thuộc ấp P, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, C chưa kịp lấy ma túy ra sử dụng thì bị Cơ quan điều tra phát hiện C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và

dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy nên đã lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Theo kết luận giám định số 2716/C54B ngày 23/7/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon bị lõm một góc, hàn kín (thu giữ của bị cáo C) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 1,0202 gram, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 12-3-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Trần Tấn C phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tấn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/3/2019, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tấn C 01 năm 06 tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo lo cho gia đình, nuôi dưỡng, chăm sóc hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Trần Tấn C cất giấu ma túy trong phòng trọ để sử dụng thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tang vật là 01 gói nylon đựng tinh thể màu trắng. Kết luận giám định xác định gói nylon đựng tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo là Methamphetamine, khối lượng 1,0202 gram. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, đang có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về "Tội cướp tài sản" và "Tội chứa

chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không cải sửa lỗi lầm, tiếp tục phạm tội nên đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đồng thời hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra. Mặt khác, việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định là cần thiết, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân và cai nghiện ma túy. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là đã xem xét đầy đủ, toàn điện tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tác hại của tội phạm ma túy đối với con người và xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[1] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tấn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Tấn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường x, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo tại ngoại (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Quang Sơn